

UBND XÃ THANH YÊN
TRƯỜNG THCS THANH YÊN
 Số 104/QĐ-THCS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
 Thanh Yên, ngày 29 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại thi đua cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên
 Trường THCS Thanh Yên - Năm học 2025-2026**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS THANH YÊN

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15/6/2022;

Căn cứ Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 1/2024/TT-BNV ngày 24/02/2024 của Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 29/2023/TT-BGDĐT ngày 29/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật thi đua, khen thưởng đối với ngành Giáo dục;

Căn cứ Nghị định 73/2024/NĐ-CP về Quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 29/3/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Xét đề nghị của Ban giám hiệu, Ban thi đua trường THCS Thanh Yên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quyết định kèm theo Quy chế Chấm điểm, đánh giá, xếp loại thi đua cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trường THCS Thanh Yên, năm học 2025 – 2026.

Điều 2. Cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh của trường THCS Thanh Yên, các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

QUY CHẾ

Đánh giá, xếp loại thi đua cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên Trường THCS Thanh Yên - Năm học 2025 - 2026
(Ban hành kèm theo Quyết định số 104/QĐ-THCS ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng trường THCS Thanh Yên)

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định về việc chấm điểm, đánh giá xếp loại thi đua của cán bộ, giáo viên và nhân viên (CB-GV-NV) trường THCS Thanh Yên bao gồm: Chấm điểm, đánh giá, xếp loại thi đua của các cá nhân trong từng đợt thi đua và thi đua cả năm học; trách nhiệm của CB-GV-NV trường THCS Thanh Yên.

2. Quy chế này áp dụng đối với CB-GV-NV trường THCS Thanh Yên .

Điều 2. Mục đích, căn cứ và nguyên tắc chấm điểm, đánh giá, xếp loại

1. Chấm điểm, đánh giá và xếp loại thi đua đối với CB-GV-NV sau mỗi đợt thi đua, mỗi năm học nhằm giúp CB-GV-NV trong trường tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua, từ đó xây dựng cho mình kế hoạch rèn luyện nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, không ngừng phát triển nghề nghiệp. Đồng thời giúp hiệu trưởng đánh giá, xếp loại CB-GV-NV trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ.

2. Căn cứ chấm điểm, đánh giá và xếp loại thi đua của CB-GV-NV được dựa trên cơ sở sau:

a) Luật thi đua khen thưởng ngày 15/6/2022;

b) Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Căn cứ Thông tư số 1/2024/TT-BNV ngày 24/02/2024 của Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; Căn cứ Thông tư số 29/2023/TT-BGDĐT ngày 29/12/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật thi đua, khen thưởng đối với ngành Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 29/3/2024 của UBND tỉnh ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức; Chuẩn nghề nghiệp Hiệu trưởng Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chuẩn nghề nghiệp giáo viên Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Điều lệ trường trung học cơ sở, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

d) Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Thi đua, khen thưởng; Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 27/7/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

e) Nội quy nhà trường;

f) Kết quả rèn luyện và thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, giáo viên và nhân viên.

3. Bảo đảm nguyên tắc thi đua, khen thưởng và quy định chung về khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Luật thi đua, khen thưởng ngày 15/6/2022, Điều 4 Nghị định 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ.

Thực hiện đảm bảo khách quan, dân chủ, công bằng, công khai, chính xác trong chấm điểm, đánh giá và xếp loại thi đua của CB-GV-NV gắn việc xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ với việc nâng cao chất lượng thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

Chương II

CHẤM ĐIỂM, ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI THI ĐUA

Điều 3. Căn cứ chấm điểm, đánh giá, xếp loại thi đua

1. Căn cứ chấm điểm thi đua:

a) Việc chấm điểm thi đua của CB-GV-NV căn cứ vào các biểu hiện và kết quả cụ thể thuộc 3 tiêu chí:

- **Tiêu chí 1:** Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống;

- **Tiêu chí 2:** Thực hiện nhiệm vụ được giao;

Cụ thể hóa bằng thực hiện có chất lượng, hiệu quả các nhiệm vụ công tác; bảo đảm công bằng, minh bạch, gắn trách nhiệm của CBQL, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn với chất lượng giáo dục của trường, của lớp, của môn học mình đảm nhiệm.

+ Thông qua kết quả kiểm tra chất lượng đầu năm và giao chỉ tiêu chất lượng cho từng tổ CM, lớp, giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn và cuối năm học tổ chức đánh giá chất lượng. Căn cứ chất lượng cuối năm học và kết quả tuyển sinh vào lớp 10 đối với học sinh lớp 9 của Sở Giáo dục và Đào tạo để xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tổ, lớp, CBQL, giáo viên và bình xét thi đua, khen thưởng cho tập thể, cá nhân.

+ Cá nhân được đánh giá, xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và đề nghị khen thưởng các phải có nhiều thành tích nổi bật, có nhiều đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng giáo dục, là điển hình để các tập thể, cá nhân khác học tập.

+ Cá nhân đề nghị danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” đảm bảo điều kiện tiêu chuẩn được quy định tại Điều 23 Luật Thi đua, khen thưởng, đồng thời phải thực sự tiêu biểu, được lựa chọn trong số các cá nhân có đủ tiêu chuẩn theo quy định.

- **Tiêu chí 3:** Tham gia các hoạt động phong trào, đoàn thể, xã hội.

b) Việc chấm điểm phải dựa vào các minh chứng phù hợp được quy định tại **điều 7** của quy chế này.

c) Các cá nhân được cộng điểm thưởng khi có thành tích trong các hoạt động chuyên môn, hoạt động phong trào và các hoạt động khác theo quy định. Thành tích đạt được trong đợt thi đua nào thì được cộng điểm vào đợt thi đua đó.

d) Đối với giáo viên được công nhận bảo lưu danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, giáo viên dạy giỏi cấp huyện, trong các năm học không tổ chức thi theo cấp đó thì được cộng điểm thi đua cuối năm.

e) Đối với những lỗi vi phạm mà không có minh chứng cụ thể thì không trừ điểm của cá nhân đó.

f) Nếu một tiêu chí có nhiều vi phạm phải trừ điểm thì tổng số điểm trừ cũng không nhiều hơn mức điểm tối đa được quy định cho tiêu chí đó. Nếu vi phạm nhiều lần thì số điểm bị trừ bằng số điểm trừ/lần nhân với số lần vi phạm.

2. Điểm thi đua cả năm làm căn cứ xếp loại thi đua gồm 3 loại: LĐTT; HTNV và Không HTNV; Riêng các cá nhân đạt LĐTT được xếp theo từng tốp.

Điều 4. Hình thức chấm điểm thi đua

1. Hình thức đánh giá:

a) Đánh giá bằng cho điểm đối với tất cả các nội dung thực hiện chấm điểm.

Thang điểm như sau:

- Đối với mỗi đợt thi đua: Chấm điểm theo thang điểm từ điểm 0 đến điểm 100.

- Đối với thi đua cả năm học: Điểm thi đua là tổng điểm của các đợt thi đua cộng lại.

b. Điểm thi đua là số nguyên.

2. Khung điểm cho mỗi tiêu chí:

a) Tiêu chí 1: Tối đa 20 điểm.

b) Tiêu chí 2: Tối đa 60 điểm.

c) Tiêu chí 3: Tối đa 20 điểm.

3. Điểm thưởng: Tùy thuộc vào thành tích đạt được của mỗi CB-GV-NV, điểm cho mỗi nội dung theo quy định của quy chế này.

4. Kết quả thi đua sau mỗi đợt, cả năm học:

a. Số điểm đạt được của mỗi cá nhân trong mỗi đợt thi đua là *hiệu số của tổng điểm tối đa quy định cho các tiêu chí trừ tổng số điểm bị trừ do các vi phạm, sau đó cộng với điểm thưởng của đợt thi đua đó.*

a) Đối với cả năm học: Điểm thi đua cả năm học là tổng điểm của tất cả các đợt thi đua trong năm học.

Điều 5. Quy trình chấm điểm

1. Kết thúc mỗi đợt thi đua, cuối năm học mỗi cá nhân tự chấm điểm (Thư ký kết

hợp với Ban thi đua theo dõi, tổng hợp điểm vì nhiều trường hợp GV không tự trừ điểm), đánh giá, xếp loại thi đua của bản thân.

2. Tổ chuyên môn hợp xét, đánh giá, xếp loại thi đua của mỗi cá nhân trong tổ.

3. Hội đồng thi đua, khen thưởng nhà trường hợp xét và thống nhất xếp loại thi đua cho từng cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Điều 6. Tiêu chuẩn xếp loại theo từng đợt và xếp loại cả năm học

1. Đối với từng đợt thi đua:

a) *Lao động tiên tiến*, nếu điểm thi đua đạt từ 70 điểm trở lên.

b) *Hoàn thành nhiệm vụ*, nếu điểm thi đua đạt từ 50 điểm đến 69 điểm.

c) *Không hoàn thành nhiệm vụ*, nếu điểm thi đua dưới 50 điểm.

2. Đối với cả năm học:

a) *Lao động tiên tiến*, nếu điểm thi đua đạt từ 280 điểm trở lên và *không có đợt thi đua nào xếp loại Không hoàn thành nhiệm vụ*.

b) *Hoàn thành nhiệm vụ*, nếu điểm thi đua đạt từ 200 điểm đến 279 điểm.

c) *Không hoàn thành nhiệm vụ*, nếu điểm thi đua dưới 200 điểm.

d) Căn cứ thành tích, điểm thi đua của CBGV, Ban thi đua nhà trường sẽ xếp loại thi đua đối với các cá nhân đạt LĐTT theo từng tổp.

3. Trong trường hợp cấp trên không chế tỷ lệ, số lượng khen thưởng các cấp nhà trường sẽ xét theo khối lượng, chất lượng và mức độ đầu mục các công việc hoàn thành cho đến khi đủ chỉ tiêu cấp trên giao và điểm thi

Điều 7. Nguồn minh chứng chấm điểm thi đua

1. Các văn bản của các cấp quản lý giáo dục, chính quyền địa phương trong đó có các nội dung công nhận, khen thưởng các danh hiệu, các thành tích của các cá nhân.

2. Các báo cáo, đánh giá hàng tháng, sau mỗi học kỳ, cuối năm học của Hiệu trưởng; các kết luận của Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trong các cuộc họp của nhà trường.

3. Biên bản vi phạm (hay giấy tờ khác có chữ ký xác nhận của người vi phạm hoặc người làm chứng) của các cá nhân do Ban giám hiệu, các tổ trưởng và các cá nhân được Hiệu trưởng giao nhiệm vụ phụ trách các công việc của nhà trường lập.

4. Các minh chứng có giá trị khác.

Điều 8. Quy định về chấm điểm cho từng tiêu chí

1. Tiêu chí 1. Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống:

a) Điểm chuẩn: **20 điểm**.

b) Những trường hợp vi phạm bị trừ điểm (Đối với cả CB-GV-NV):

- Vi phạm chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước, vi phạm ATGT có giấy gửi về nhà trường,... bị phê bình, nhắc nhở: Trừ 5 đ/lần.

- Vi phạm ngày giờ công LĐ không có lý do (bỏ giờ dạy, bỏ họp, bỏ các hoạt động khác do ngành và trường quy định...): Trừ 5 đ/lần.

- Vi phạm về văn minh công sở (mặc trang phục không đúng quy định, hút thuốc lá trong khuôn viên nhà trường...): Trừ 5 đ/lần.

- Có hành vi gây mất đoàn kết nội bộ (Đưa thông tin sai lệch, chia rẽ cá nhân, bè phái): Trừ 10 đ/lần

- Có hành vi chống đối sự phân công của tổ chức mà không có lí do chính đáng dẫn đến hiệu quả công việc thấp hoặc không hoàn thành đúng tiến độ công việc theo kế hoạch được giao: Trừ 10 đ/lần.

2. Tiêu chí 2. Thực hiện nhiệm vụ được giao:

a) Điểm chuẩn: **60 điểm.**

b. Những trường hợp vi phạm bị trừ điểm:

- Không tham gia các HĐ CM của trường giao (ôn HSG, thi GVG) không có lý do chính đáng. Trừ 10đ.

- Không hoàn thành tiến độ, thời gian theo kế hoạch nhà trường giao công việc. Trừ 3đ/ lần.

- Vi phạm QCCM dẫn đến lập BB. Trừ 5đ/lần

- Chất lượng môn dạy thấp hơn so với chỉ tiêu quy định của ngành, trường đối với từng môn học: Từ 3% đến 5% trừ 5 đ; Thấp hơn từ 6 đến 10% trừ 10 đ; Thấp hơn từ 11 đến 20% trừ 15 đ; Thấp hơn từ 21% trở lên trừ 20 đ. (Tính chất lượng cuối năm)

- GV chủ nhiệm lớp có học sinh bỏ học trừ 5điểm/1HS.

- GVCN có lớp chủ nhiệm không đạt thi đua cuối năm: trừ 5 điểm.

3. Tiêu chí 3. Tham gia vào các hoạt động phong trào, đoàn thể, xã hội:

a) Điểm chuẩn: **20 điểm.**

b) Những trường hợp vi phạm bị trừ điểm:

- Không tham gia các HD XH, PT VN, TDTT, các HĐ nhân đạo, từ thiện do ngành, nhà trường và địa phương phân công (không có lý do chính đáng): Trừ 5đ/lần.

- Không tham gia vào các cuộc thi do ngành, nhà trường phát động, tổ chức khi được phân công, vận động: Trừ 5 đ/lần

Điều 9. Thưởng điểm

Các cá nhân đạt các thành tích cộng dồn vào cuối năm học.

1. Đối với giáo viên:

- Đạt danh hiệu GV dạy giỏi cấp tỉnh (+ 30đ), các năm sau bảo lưu (+ 20đ).

- Đạt danh hiệu GV dạy giỏi cấp xã (+ 20đ), các năm bảo lưu (+10đ) (kể cả được bảo lưu cấp huyện năm học 2024-2025)

- Đạt danh hiệu GV dạy giỏi cấp trường (+10đ), năm bảo lưu (+5 đ).

- GV Đạt giải cá nhân, đồng đội khi trực tiếp tham gia các hội thi cấp tỉnh (VN, TDTT...) cộng: Nhất: 30đ, nhì 25đ, Ba 20đ, KK 15đ.

- GV Đạt giải cá nhân, đồng đội khi trực tiếp tham gia các hội thi cấp xã (VN, TDTT...) cộng: Nhất: 20đ, nhì 15đ, Ba 10đ, KK 5đ.

- GV bồi dưỡng HSG có học sinh đạt giải cấp trường cộng: 10 điểm/1giải nhất; 8 điểm/1giải nhì; 6 điểm/1giải ba; 4 điểm/1giải KK. *(Riêng môn KHTN; Lịch sử và Địa lý, mỗi phân môn phải đạt 50% số điểm theo quy định thì được cộng điểm).*

- GV bồi dưỡng HSG có học sinh đạt giải cấp xã cộng: 20 điểm/1giải nhất; 15 điểm/1giải nhì; 10 điểm/1giải ba; 8 điểm/1giải KK. *(Riêng môn KHTN; Lịch sử và Địa lý, mỗi phân môn phải đạt 50% số điểm theo quy định thì được cộng điểm).*

- GV bồi dưỡng HSG có học sinh đạt giải cấp tỉnh cộng: 30 điểm/1giải nhất; 25 điểm/1giải nhì; 20 điểm/1giải ba; 15 điểm/1giải KK. *(Riêng môn KHTN; Lịch sử và Địa lý, mỗi phân môn phải đạt 50% số điểm theo quy định thì được cộng điểm).*

- GV hướng dẫn học sinh thi KHKT, STTTN cấp tỉnh cộng: 30 điểm/1giải nhất; 25 điểm/1giải nhì; 20 điểm/1giải ba; 15 điểm/1giải KK.

- GV hướng dẫn học sinh thi KHKT, STTTN cấp xã cộng: 20 điểm/1giải nhất; 15 điểm/1giải nhì; 10 điểm/1giải ba; 5 điểm/1giải KK.

- GV bồi dưỡng HS năng khiếu (Văn nghệ; TDTT,...) cấp xã cộng: 20 điểm/1giải nhất; 15 điểm/1giải nhì; 5 điểm/2giải ba.

- **GV bồi dưỡng HS năng khiếu (Văn nghệ; TDTT,...) cấp Tỉnh:**

+ **Đội (từ 02 HS trở lên): Cộng 30 điểm/1giải nhất; Cộng 25 điểm/1giải nhì; Cộng 20 điểm/1giải ba.**

+ **Cá nhân: Cộng 30 điểm/1giải nhất; Cộng 25 điểm/1giải nhì; Cộng 15 điểm/1giải ba.**

- GVCN lớp đạt giải toàn đoàn trong các cuộc thi do trường tổ chức (thi báo tường, VN, TDTT...) cộng: 5 điểm/giải nhất/hội thi; 4 điểm/giải nhì/hội thi; 3 điểm/giải ba/hội thi; 2 điểm/giải KK/hội thi.

- GV-NV có thành tích được các cấp tặng giấy khen chuyên đề trong năm (không tính khen thưởng cuối năm học) cộng: Cấp xã 20 điểm/lần; Cấp tỉnh 30 điểm/lần.

- GV-NV kiêm nhiệm một số công việc giúp nhà trường mà không được hưởng chế độ phụ cấp, tính tiết cộng: 20 điểm.

- GV-NV kêu gọi được các nguồn tài trợ cho nhà trường cộng: 5 điểm/5 triệu -> dưới 10 triệu; 10 điểm/10 triệu trở lên.

* **Lưu ý:** Khi xếp loại thi đua cuối năm đối với giáo viên, ngoài việc căn cứ vào kết quả thi đua theo biểu tổng hợp, Ban thi đua sẽ xem xét thêm các yếu tố sau:a

+ Mức độ tham gia và kết quả đạt được trong các đợt thi đua do nhà trường phát động;

+ Việc thực hiện các nhiệm vụ được phân công trong năm học;

+ Ý thức trách nhiệm, tinh thần hợp tác và mức độ đóng góp vào các hoạt động chung của tổ chuyên môn và nhà trường.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của cán bộ, giáo viên, nhân viên

1. Thực hiện nghiêm túc quy chế này.
2. Tự chấm điểm thi đua của bản thân trong mỗi đợt thi đua đảm bảo tính chính xác, trung thực và khách quan.
3. Có trách nhiệm giúp đỡ Ban giám hiệu, Ban thi đua nhà trường và các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường thực hiện tốt quy chế này.

Điều 12. Trách nhiệm tổ trưởng chuyên môn.

1. Chỉ đạo, đôn đốc cho các giáo viên, nhân viên trong tổ thực hiện đúng quy chế.
2. Giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của các giáo viên, nhân viên trong tổ theo đúng Điều lệ, nội quy, quy chế của ngành, của trường và quy định của Pháp luật. Ghi chép và lưu giữ các minh chứng phục vụ cho việc chấm điểm và đánh giá, xếp loại thi đua của giáo viên, nhân viên trong tổ theo quy chế này.
3. Tham mưu với Ban giám hiệu trong việc chấm điểm, đánh giá, xếp loại thi đua cá nhân trong trường theo quy định.

Điều 13. Trách nhiệm của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường

1. Tuyên truyền tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường về quy chế này và việc thực hiện quy chế này.
2. Cùng với các tổ trưởng, ban giám hiệu, ban thi đua nhà trường tham gia giám sát việc thực hiện nhiệm vụ và tham gia chấm điểm, đánh giá, xếp loại thi đua của cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường.

Điều 14. Trách nhiệm của Ban giám hiệu

1. Phó hiệu trưởng có trách nhiệm giúp Hiệu trưởng tổ chức thực hiện quy chế này.
 2. Hiệu trưởng có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy chế này đảm bảo tính dân chủ, công bằng, khách quan.
- Giải quyết các ý kiến đề nghị, kiến nghị của cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường về kết quả thi đua./
-